TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 13-6-2018.
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Kiều Lương**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Ba.**
2. Bà **Lý Thị Bạch Tuyết.**

***- Th ký phiên tòa*:** Ông **Đào Minh Hoàng –** Th ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hồng Hà –** Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 810/2017/TLST–HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017, về việc "*Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/5/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Phan Văn D**, sinh năm 1981.
Địa chỉ: 51/2B, Tổ 3, ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đ.
- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Minh H**, sinh năm 1979.
Địa chỉ: 27A, Tổ 7, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đ.
(anh D, chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn ngày 02/10/2017 và bản tự khai ngày 12/12/2017 cùng các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Phan Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Minh H kết hôn với nhau vào năm 2010 do cả hai cùng tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc, Thờng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình, quan điểm không phù hợp, cả hai đã sống ly thân đến nay được 06 năm. Mặc dù, anh đã cố gắng hàn gắn để tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng nhưng vẫn không thể khắc phục, không thay đổi mà trái lại mâu thuẫn vợ chồng càng thêm trầm trọng. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài được nên anh làm đơn ly hôn với chị H để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Anh Th (cháu Th lấy tên theo họ mẹ), sinh ngày 19/11/2010 hiện đang sống với chị H ổn định. Ly hôn, anh yêu cầu giao cháu Th cho chị H nuôi dưỡng, mỗi tháng anh cấp dưỡng nuôi con chung 1.200.000 đồng cho đến khi cháu Th đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Minh H trình bày:

Trong quá trình làm việc, chị H được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng để tham gia quá trình làm việc, hòa giải và tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng chị H không có mặt và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn của anh D. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị H.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử và giải quyết vụ án đúng thời hạn theo luật định.

- Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Th ký Tòa án: Trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán chủ tọa điều hành phiên tòa đúng quy định, đảm bảo sự vô tư, khách quan trong việc giải quyết vụ án.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định; Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về nội dung: Hội đồng xét xử đánh giá toàn diện, khách quan các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định đúng tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp của vụ án. Đồng thời căn cứ vào quá trình điều tra, thu thập chứng cứ. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị H là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, Thờng phát sinh mâu thuẫn, không thể bàn bạc đoàn tụ cho thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D đối với chị H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Anh Th, cháu Th đang sống với mẹ nên cần tiếp tục giao cháu Th cho chị H nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng nuôi con chung 1.200.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có nên không xem xét.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phan Văn D là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đúng theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị Minh H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhiều lần để tham gia tố tụng tại Tòa án và tham gia phiên tòa nhưng chị H vẫn không có mặt để tham gia tố tụng tại phiên tòa và vắng mặt không có lý do; Việc chị H không có mặt là tự mình đã chối bỏ quyền bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước Tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D, chị H theo quy định tại Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Anh D và chị H kết hôn với nhau vào năm 2009, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Lộc An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay, anh D xin ly hôn, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết là có căn cứ.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống của chị H với anh D từ sau khi kết hôn Thờng hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình cả hai không phù hợp, không còn đồng quan điểm sống, Thờng xuyên cãi vã, cả hai đã sống ly thân cho đến nay là 06 năm. Trong quá trình thu thập chứng cứ và làm việc tại Tòa anh D vẫn kiên quyết xin được ly hôn với chị H. Xét thấy, hiện nay tình cảm giữa anh D và chị H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D đối với chị H.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống cả hai sinh được 01 con chung tên Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 19/11/2010, hiện nay cháu Th đang sống với chị H. Do cháu Th là con gái, còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ, theo yêu cầu của anh D, sau ly hôn, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Th cho chị H nuôi dưỡng, tạm thời anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.200.000 đồng/tháng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình thu thập chứng cứ anh D trình bày là không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do chị H vắng mặt nên không thể ghi nhận được ý kiến của chị H về nội dung nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ tách ra và dành quyền khởi kiện cho anh D và chị H bằng một vụ kiện dân sự khác khi các bên có yêu cầu và đóng tạm ứng án phí đầy đủ theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí:

Anh D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con nhưng anh D được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Anh D còn phải nộp 300.000 đồng.

Chị H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 203; 273, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51; 56; 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn anh Phan Văn D đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Minh H. Xử cho anh Phan Văn D được ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Minh H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 19/11/2010.

Giao cháu Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 19/11/2010 cho chị Nguyễn Thị Minh H được nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm thời anh D cấp dưỡng nuôi con chung là 1.200.000 đồng/tháng. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình.

Anh D được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở, vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh D khai không có nên không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho chị H và anh D bằng một vụ kiện khác khi các bên có đơn yêu cầu.

- Về án phí: Anh Phan Văn D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con nhưng anh D được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 005096 ngày 16/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Anh D còn phải nộp 300.000 đồng.

Chị H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh D, chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Long Thành (1);
- CCTHADS huyện Long Thành (1);
- UBND xã L (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Kiều Lương